TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 74/2022/HS-ST Ngày: 23-9-2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Cao Tản

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Phượng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Nhàn - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức V ; sinh năm 1950; giới tính: Nam; nơi sinh: Xã L, huyện T, tỉnh H; nơi đăng ký hộ khẩu và cư trú: Thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh N ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 7/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Đức T (đã chết); con bà Trần Thị N (đã chết); gia đình có 05 anh em. Bị cáo là con thứ tư; có vợ là Đinh Thị B; có 04 con, con lớn sinh năm 1980, con nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt).

2. Bùi Đức B ; sinh năm 1958; giới tính: Nam; nơi sinh, đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 8/10; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt); nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Bùi Đức L (đã chết); con bà Hoàng Thị N; gia đình có 08 anh em. Bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị T; có 06 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Đức B : Bà Trần Thị N - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Ngô Tiến B ;

2. Ông Ngô Tiến Đ ;

3. Ông Nguyễn Xuân H;

4. Ông Nguyễn Xuân T;

5. Ông Nguyễn Văn N;

6. Ông Trần Doãn X;

7. Ông Trần Công B;

8. Ông Vũ Ngọc T;

9. Ông Nguyễn Tài T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua nguồn tin về tội phạm Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh Nam Định đã tiến hành điều tra và xác định: Nguyễn Đức V tham gia quân đội từ tháng 6-1968, được huấn luyện tân binh và học lái xe tại Trường lái xe 255, đóng tại huyện B, tỉnh S cũ. Đến tháng 12-1968, V được điều động vào tham gia chiến trường miền Nam, biên chế thuộc Xưởng 27, Trung đoàn 527, Sư đoàn 571, Đoàn 559 (nay là Binh đoàn 12 - Bộ Quốc phòng), đóng quân tại huyện C, tỉnh Q, có nhiệm vụ vận chuyển quân, vũ khí, lương thực cho chiến trường miền Nam. Đến năm 1976, V được điều chuyển về Trung đoàn 526 - Cục Vận tải thuộc Tổng cục Hậu cần, đóng quân tại huyện D, tỉnh N, nhiệm vụ là lái xe chạy các tuyến đường 9, 7, 14 vận chuyển quân, vũ khí, lương thực sang chiến trường C. Đến năm 1979, V được điều động về trụ sở Trung đoàn 526, thực hiện nhiệm vụ vận chuyển quân, vũ khí, lương thực cho chiến trường T. Đến năm 1981, V được xuất ngũ về Nông trường 1-5 thuộc huyện N, tỉnh N làm công nhân nông trường cao su, cà phê. Năm 1983, V xin về thôn A xã Y, huyện Y làm ăn sinh sống từ đó đến nay.

Mặc dù sau khi xuất ngũ trở về địa phương không còn lưu giữ giấy tờ chứng lý vùng miền, nhưng V cho rằng mình có thời gian tham gia chiến đấu tại chiến trường B nên đã nhiều lần đến Ban Lao động, Thương binh và xã hội xã Y để làm hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, tuy nhiên hồ sơ của V không được chấp nhận do thiếu các giấy tờ chứng lý vùng miền. Khoảng cuối năm 2020, V gặp B đã nói chuyện và nhờ B giúp hoàn thiện giấy tờ làm hồ sơ hưởng chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

Nguyễn Đức B khai: Khoảng năm 2015, B được ông Nguyễn Hữu P , sinh năm 1955, trú tại: Thôn V, xã L, huyện V, tỉnh N (đã chết năm 2015) cho 01 Giấy chứng nhận bị thương số 108/GCN, đề ngày 20-3-1975, ghi của Trung đoàn 527, Sư đoàn 571 bản lưu không (để trống thông tin trong giấy). Sau khi gặp và nghe V kể về việc có tham gia chiến đấu tại Trung đoàn 527, Sư đoàn 571, trùng với thông tin trong Giấy chứng nhận bị thương bản lưu không nêu trên và bị thương nhưng đến nay vẫn chưa được hưởng chế độ ưu đãi gì của Nhà nước, B nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận bị thương đưa cho V sử dụng làm hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ chất độc hóa học. Khoảng cuối năm 2020, B mang Giấy chứng nhận bị thương trên đến nhà V , mượn của V một chiếc bút mực nước màu đen và hỏi V các thông tin cá nhân gồm: Họ và tên, Số Quân nhân, nguyên quán, ngày nhập ngũ, Cấp bậc khi bị thương, Chức vụ khi bị thương, Đơn vị khi bị thương, ngày bị thương, các vết thương,... ghi ra một tờ giấy nháp. Khi V đi ra ngoài B đã tự tay ghi các thông tin của V vào trong Giấy chứng nhận bị thương bản lưu không rồi đưa cho V . Khi đưa cho V Giấy chứng nhận bị thương do mình làm giả, B không đòi hỏi tiền công mà nói: "sau này nếu được hưởng chế độ thì cảm ơn sau cũng được".

Sau khi có được Giấy chứng nhận bị thương trên, mặc dù biết bản thân mình không được cấp giấy tờ trên, là do nhờ B làm giúp nhưng tháng 01-2021, V đã sử dụng Giấy chứng nhận bị thương trên để làm hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học nộp cho Ban Lao động, Thương binh và Xã hội xã Y nói dối tưởng đã mất nay tìm lại được. Ngày 17-5-2021, Hội đồng xác nhận người có công xã Y đã xét duyệt, xác nhận hồ sơ của V đủ điều kiện, tiêu chuẩn để được giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và gửi toàn bộ hồ sơ của V đến Phòng Lao động, Thương binh và xã hội huyện Ý Yên thẩm định rồi chuyển đến Sở Lao động, Thương binh và xã hội tỉnh Nxem xét giải quyết. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, do nghi ngờ Giấy chứng nhận bị thương của V là giả, Sở Lao động, Thương binh và xã hội tỉnh Nđã đề nghị Phòng Giám định kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng giám định bản gốc Giấy chứng nhận bị thương trên. Kết quả giám định đã kết luận: Giấy chứng nhận bị thương đề tên Nguyễn Đức V kể trên tồn tại các chữ viết, chữ số ghi thông tin khác trước khi có các nội dung như hiện tại. Do đó, ngày 17-02-2022, Sở Lao động, Thương binh và xã hội tỉnh N đã có Công văn số 194/SLĐTBXH-NCC gửi Công an tỉnh Nam Định để đề nghị điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định đã ra Công văn gửi Bộ Tư lệnh Binh đoàn 12, Bộ Quốc phòng (là Đoàn 559 cũ) và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định để xác minh về quá trình tham gia quân đội và việc cấp Giấy chứng nhận bị thương số 108/GCN, đề ngày 20-3-1975 đối với V , kết quả:

Do điều kiện lịch sử, Binh đoàn 12 không được bàn giao hồ sơ, danh sách quân nhân của các đơn vị Đoàn 559 quản lý trong chiến tranh, trong đó có hồ sơ cấp Giấy chứng nhận bị thương của Trung đoàn 527. Do vậy, Binh đoàn 12 không có cơ sở để kiểm tra, đối chiếu, cung cấp thông tin, hồ sơ liên quan đến

Nguyễn Đức V và việc cấp Giấy chứng nhận bị thương số 108/GCN ngày 20-3-1975.

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định không có thông tin về quá trình tham gia quân đội của Nguyễn Đức V .

Cơ quan điều tra đã triệu tập ông Ngô Tiến B - Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc màu da cam Dioxin xã Yên B , tuy nhiên ông B không thừa nhận có quan hệ hay quen biết Bùi Đức B từ trước, không dẫn dắt Nguyễn Đức V đến gặp Bùi Đức B để đặt vấn đề làm giấy tờ cho V . Ông B khai chỉ gặp B một lần tại nhà V , khi V mời ông B đến nhà uống rượu, khi đó ông B mới gặp và biết B .

Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập, ghi lời khai các thành viên trong Hội đồng xác nhận người có công xã Yên B , xác định: Năm 2020, Nguyễn Đức V đã đến Ban Lao động, Thương binh và Xã hội xã Y làm hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, nhưng không được xét duyệt do không có giấy tờ gốc. Ngày 06-01-2021, V tiếp tục nộp hồ sơ, trong đó có các tài liệu gồm: Bản khai cá nhân về quá trình chiến đấu trong quân đội; Giấy chứng nhận bị thương số 108/GCN, đề ngày 20-3-1975, ghi của Trung đoàn 527, Sư đoàn 571; Bản tóm tắt quá trình điều trị ngoại trú. Ông Ngô Tiến Đ - Cán bộ công chức Lao động - TB&XH xã Y là người trực tiếp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ của V . Sau khi đối chiếu với các quy định của pháp luật thấy hồ sơ của V hợp lệ, đủ thủ tục, ông Đ đã báo cáo Chủ tịch Hội đồng xác nhận người có công xã Y rồi niêm yết công khai hồ sơ của V tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và thông báo trên phương tiện truyền thanh xã trong thời hạn 15 ngày. Hết thời hạn 15 ngày không có ai có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện gì về hồ sơ của V , Hội đồng xác nhận người có công xã tiến hành họp để tổ chức xét duyệt. Sau khi nghe ông Đ báo cáo về hồ sơ, giấy tờ của V , thấy đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo các quy định của pháp luật, Hội đồng người có công đã ký Biên bản kết quả công khai hóa và Biên bản xác nhận về việc đủ điều kiện tiêu chuẩn đối với V , sau đó chuyển toàn bộ hồ sơ đến Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện Y để thẩm định, trình Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh N giải quyết theo quy định.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã tiến hành thu thập bản gốc hồ sơ đề nghị xét duyệt chế độ chất độc hóa học của Nguyễn Đức V tại Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh N.

Ngày 11-5-2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định ra Quyết định trưng cầu giám định đối với Giấy chứng nhận bị thương số 108/GCN đề ngày 20-3-1975, ghi của Trung đoàn 527, Sư đoàn 571 cấp cho Nguyễn Đức V và giám định chữ viết trên Giấy chứng nhận bị thương so với chữ viết của Bùi Đức B . Tại bản Kết luận giám định số: 119/KL-GĐKTHS, ngày 30-5-2022, Phòng Giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng kết luận:

Trên tài liệu "Giấy chứng nhận bị thương" gửi giám định tồn tại chữ viết, chữ số ghi thông tin khác trước khi có các nội dung như hiện tại, cụ thể ở một số vị trí như sau:

Tại mục "Đồng chí" ghi họ tên "Nguyễn Đức V " tồn tại chữ viết ghi thông tin trước là "Nguyễn Quyết Tình".

Tại mục "năm" ghi "1950" tồn tại chữ số ghi thông tin trước là "1954".

Tại mục "Nguyên quán" ghi "Liên Mạc, Thanh Hà, Hải Dương" tồn tại chữ viết ghi thông tin trước là "Nam Hải, Nam Ninh, Hà Nam Ninh".

Tại mục "Cấp bậc khi bị thương" ghi "Hạ sỹ" tồn tại chữ viết ghi thông tin trước là "Trung sỹ".

Tại mục "Chức vụ khi bị thương" ghi "Lái xe" tồn tại chữ viết ghi thông tin trước là "Chiến sỹ".

Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (tức là Giấy chứng nhận bị thương) so với chữ viết mẫu so sánh ghi của Bùi Đức B trên tài liệu ký hiệu M1 và M2 là do cùng một người viết ra.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Bản cáo trạng số 67/CT-VKS-P1 ngày 31-8-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Nguyễn Đức V về tội "sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; Bùi Đức B về tội: "làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung Cáo trạng và quyết định đã truy tố, sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Đức V phạm tội "sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; bị cáo Bùi Đức B phạm tội: "làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đức V từ 06 tháng đến 09 tháng tù, bị cáo Bùi Đức B từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Bùi Đức B mặc dù không có chức năng, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận bị thương, nhưng khi biết Nguyễn Đức V cần giấy chứng lý vùng miền để làm hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, B đã trực tiếp viết các thông tin của V vào giấy chứng nhận bị thương lưu không số 108/GCN ngày 20-3-1975, của Trung đoàn 527, Sư đoàn 571 và đưa Giấy chứng nhận bị thương đó cho Nguyễn Đức V. Còn Nguyễn Đức V biết rõ bản thân không được cấp Giấy chứng nhận bị thương chỉ là Giấy bị cáo nhờ B làm hộ, nhưng vẫn đem nộp cho Ban lao động, thương binh và xã hội xã Y , huyện Y, tỉnh N. để làm hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Hành vi đó của bị cáo Nguyễn Đức V đã đủ yếu tố cấu thành tội "sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; hành vi của bị cáo Bùi Đức B đã đủ yếu tố cấu thành tội: "làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS. Nên, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự đúng đắn trong hoạt động quản lý của Nhà nước. Nên cần thiết phải xử lý về hình sự, nhằm mục đích cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thời gian tham gia quân đội, bị cáo B là thương binh hạng 4/4, được Chủ nước tặng thưởng "Huân chương chiến công hạng 3" vào năm 1979, được Bộ trưởng Bộ quốc phòng tặng "Bằng khen" vào năm 1983 và Trung đoàn 28 tặng nhiều "Bằng khen" từ năm 1977 đến năm 1979; bị cáo V được Chủ tịch nước tặng thưởng "Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước" và có thành tích giúp đỡ cơ quan có thẩm quyền trong việc phát hiện điều tra tội phạm được Công an xã Y có Công văn số 47/CAX ngày 01-9-2022 xác nhận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm x, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo V đã trên 70 tuổi được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 BLHS "người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên". Như vậy, xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 BLHS và Điều 36 BLHS cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm, thể hiện bản chất nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với những người tham gia kháng chiến và có nhiều thành tích, phân hoá vai trò do bị cáo V là người khởi xướng việc phạm tội

nên có vai trò cao hơn so với bị cáo B và xét bị cáo B là thương binh hạng 4/4, nên cần xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo V và xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo B là phù hợp.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi của các bị cáo và xét các bị cáo phạm tội không được hưởng lợi nên miễn hình phạt bổ sung phạt tiền cho các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo B .

[5] Các tình tiết liên quan: Đối với ông Ngô Tiến B , căn cứ tài liệu điều tra và lời khai các bị cáo tại phiên toà xác định ông B không quen biết từ trước với B , không tham gia vào việc làm giả Giấy chứng nhận bị thương và không biết V sử dụng Giấy chứng nhận bị thương để đưa vào hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ chất độc hóa học, do vậy không có căn cứ để xử lý. Đối với ông Nguyễn Hữu P là người đã đưa cho B bản lưu không Giấy chứng nhận bị thương, xác minh tại Công an xã Liên Minh xác định ông Phước đã chết ngày 04-12-2015. Đối với các thành viên Hội đồng xác nhận người có công xã Yên B , trong quá trình xét duyệt hồ sơ của Nguyễn Đức V , do V nói dối tưởng bị mất nhưng tìm lại được nên không biết V sử dụng Giấy chứng nhận bị thương giả để đưa vào hồ sơ. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với Giấy chứng nhận bị thương giả ghi số: 108/GCN đề ngày 20-3-1975, ghi của Trung đoàn 527, Sư đoàn 571 cấp cho Nguyễn Đức V , là chứng cứ chứng minh tội phạm tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 341, các điểm s, i, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với các bị cáo, căn cứ điểm o khoản 1 Điều 51, Điều 65 của BLHS đối với riêng bị cáo Nguyễn Đức V, căn cứ Điều 36 của BLHS đối với riêng bị cáo Bùi Đức B ,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức V phạm tội "sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; bị cáo Bùi Đức B phạm tội: "làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức";

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức V 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Nguyễn Đức V cho UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ngiám sát, giáo dục trong thời gian thử thách;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Đức B 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã L, huyện V, tỉnh N nhận được Quyết định thi hành án và bản án của Tòa án;

Giao bị cáo Bùi Đức B cho UBND xã L, huyện V, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ;

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của pháp luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

Miễn hình phạt bổ sung phạt tiền cho các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Bùi Đức B ;

2. Xử lý vật chứng: Đối với Giấy chứng nhận bị thương giả ghi số: 108/GCN đề ngày 20-3-1975, ghi của Trung đoàn 527, Sư đoàn 571 cấp cho Nguyễn Đức V tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS,

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- UBND xã Y , huyện Y;
- UBND xã L, huyện V;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết